

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chúc Ngân

Bà Cao Thị Kim Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 365/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Vũ Kiều O, sinh năm 1998; Địa chỉ: Tổ G, ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Nguyễn Trường S, sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ G, ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Địa chỉ liên lạc: Số B, ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số B, ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Trần Vũ Kiều O trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Vũ Kiều O và anh V Nguyễn Trường S quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng một năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/9/2018.

Theo chị O, ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh S không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu rồi chửi bới, xúc phạm chị O, kinh tế gia đình một mình chị O phải gánh vác. Chị O đã nhiều lần khuyên và cho anh S cơ hội thay đổi nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn không thể giải quyết được nên khoảng tháng 10/2021, chị O và anh S đã không còn sống chung nhà với nhau, anh S về sinh sống với cha mẹ đẻ ở xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vợ chồng không còn qua lại, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Nay chị O nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên chị O yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Nguyễn Trường S.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Vũ Trần Thiện N, sinh ngày 04/12/2019, hiện con chung đang sống với chị O. Khi ly hôn, chị O yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị O không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Vũ Kiều O khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Vũ Nguyễn Trường S vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do) nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Vũ Kiều O và anh V Nguyễn Trường S được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Vũ Trần Thiện N, sinh ngày 04/12/2019 cho chị O được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị O không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do). Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Vũ Kiều O và anh V Nguyễn Trường S tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/9/2018, căn cứ Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị O và anh S đã không còn sống chung với nhau từ khoảng tháng 10/2021 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Do quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nhưng chị O và anh S đều không trình báo nên chính quyền địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa các bên, mặc dù lời khai của chị O không được anh S thừa nhận nhưng phù hợp với lời khai của người làm chứng: “... *Khoảng 02 đến 03 năm trở lại đây, giữa anh S và chị O xảy ra mâu thuẫn nhưng bà T không biết rõ nguyên nhân. Chị O đã đuổi anh S ra khỏi nhà và anh S đã về sống với bà T khoảng 02 đến 03 năm nay ... Theo bà T, giữa anh S và chị O không có khả năng hàn gắn đoàn tụ ...*”. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng anh S đều không đến thể hiện việc anh S không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị O.

Từ các phân tích trên, xét mâu thuẫn giữa chị O và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị O là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* Chị O và anh S có một con chung là cháu Vũ Trần Thiện N, sinh ngày 04/12/2019.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Lời khai của người làm chứng xác định: “... cháu N đang sống cùng chị O. Hiện anh S bị bệnh nên chị O nuôi cháu N là phù hợp...”. Như vậy, cháu N còn nhỏ (dưới 7 tuổi) nên Tòa án không thể lấy ý kiến của con chung. Tuy nhiên, hiện con chung đang sống cùng với chị O và chị O đảm bảo điều kiện chăm sóc cho con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục giao con chung cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng:* Chị O hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chị O không yêu cầu nên tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị O xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh S vắng mặt nên không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận và có yêu cầu thì được quyền liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để khởi kiện bằng một vụ kiện khác về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

[3] **Về án phí:** Chị Trần Vũ Kiều O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo:** Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Trần Vũ Kiều O.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Trần Vũ Kiều O và anh V Nguyễn Trường S được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1. Giao cháu Vũ Trần Thiện N, sinh ngày 04/12/2019 cho chị Trần Vũ Kiều O được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Anh Vũ Nguyễn Trường S được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Tạm thời anh Vũ Nguyễn Trường S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Vũ Kiều O không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trần Vũ Kiều O phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0007881 ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Trần Vũ Kiều O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Q, huyện T; tỉnh Đồng Nai
(GCNKH số 142/2018)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang